

Bản án số: **173/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 28/7/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thục

Bà Nguyễn Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 28/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 170/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/6/2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1988 (Xin vắng mặt)

HKTT: thôn Liễu Nham, xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

Hiện đang trú tại: Phòng 46, số nhà 267, đường Học Nhân, thôn Mỹ Hợp, thị trấn Nội Phố, huyện Bình Đông, Đài Loan.

- Người đại diện nhận văn bản tố tụng của chị P: Ông Nguyễn Bá Ngọc, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 196 đường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1980 (Xin vắng mặt)

HKTT: thôn Liễu Nham, xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Hiện cải tạo tại Tổ 35, phân trại 3, Trại giam Ngọc Lý - Xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Bà Vi Thị G, sinh năm 1964 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Thanh An, xã Trù Hựu, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Thị P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình T kết hôn với nhau ngày 01/10/2012, việc kết hôn trên cơ sở tình cảm đôi bên, tự do tìm hiểu và được sự đồng ý của 2 bên gia đình tổ chức đám cưới. Anh chị đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng theo đúng quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và chị về sinh sống tại nhà chồng ở cùng làng Liễu Nham, xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng.

Tuy nhiên, vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc với nhau được thời ngắn, đến năm 2015 thì đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã hằng ngày. Anh T không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên cờ bạc không quan tâm đến vợ con dẫn đến vi phạm pháp luật bị xử lý hình sự. Cuộc sống vợ chồng vì vậy ngày càng khó khăn, chị phải đi lao động tại nước ngoài để có thu nhập nuôi con.

Thời gian chị đi nước ngoài lao động thì vợ chồng xa cách, không quan tâm gì đến nhau. Đến nay giữa anh chị không còn liên lạc với nhau, anh T hiện đang phải đi cải tạo tại Trại giam Ngọc Lý về hành vi “Cố ý gây thương tích”. Đến nay vợ chồng đã bất đồng quan điểm sống và hiện tại không còn tình cảm gì với nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Nguyễn Đình T được ly hôn.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 21/9/2013. Hiện nay cháu T đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng và hiện nay mẹ con chị đang sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ tại thôn Thanh An, xã Trù Hựu, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Khi Tòa án giải quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Bảo T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do ngày 20/6/2023 tới đây, chị lại tiếp tục sang Đài Loan lao động nên đề nghị Tòa án tạm giao cháu T cho mẹ đẻ chị là bà Vi Thị G, sinh năm 1964 nuôi dưỡng trong thời gian chị lao động tại nước ngoài. Khi nào chị về nước sinh sống thì sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T.

** Về tài sản chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.*

** Về nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.*

** Bị đơn anh Nguyễn Đình T trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị P kết hôn với nhau ngày 01/10/2012 tại UBND xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 21/9/2013. Hiện nay anh đang cải tạo tại Phân trại số 3 Trại giam Ngọc Lý nên cháu T đang ở nhà bà ngoại tại thôn Thanh An, xã Trù Hựu, huyện Lục Ngạn. Hiện nay chị P khởi kiện ly hôn thì quan điểm của anh là vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn với chị P. Về con chung anh

đồng ý để chị P nuôi dưỡng cháu T, không đề nghị Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ chung: không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh đang cải tạo tại trạm giam Ngọc Lý nên đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp và các phiên tòa xét xử của Tòa án.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị G trình bày:*

Chị P và anh T không còn yêu thương nhau và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì bà không can thiệp. Vừa qua chị P đã tiếp tục sang Đài Loan làm việc. Vợ chồng Phụng Tiếp có 01 con chung là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 21/9/2013 hiện đang gửi bà chăm sóc nuôi dưỡng. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn của vợ chồng Phụng Tiếp và giải quyết trách nhiệm nuôi con của 2 cháu thì bà đề nghị Tòa án chấp nhận đề nghị của chị P về việc giao cháu Nguyễn Bảo T cho chị P nuôi dưỡng. Đồng thời bà đồng ý và đề nghị Tòa án tạm giao cháu Nguyễn Bảo T cho bà chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian chị P vẫn đang ở Đài Loan. Bà không đề nghị Tòa án xem xét việc cấp dưỡng nuôi cháu T.

* Tòa án đã tiến hành làm việc với cháu Nguyễn Bảo T, cháu trình bày: Cháu là con đẻ của bố Nguyễn Đình T và mẹ Nguyễn Thị P. Bố cháu đã không ở nhà một thời gian, còn mẹ cháu thời gian qua ở với cháu và chăm sóc cháu. Hiện nay mẹ cháu vừa đi Đài Loan lao động, cháu đang ở với bà ngoại là Vi Thị G. Hiện nay cháu vừa học xong lớp 5 và tới đây sẽ lên học lớp 6 Trường THCS Trù Hựu, điều kiện sinh sống và học tập của cháu khi ở với bà ngoại được chăm sóc đầy đủ. Nếu bố mẹ cháu không ở với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ Nguyễn Thị P và mong muốn được tiếp tục ở với bà ngoại khi mẹ cháu đi làm việc ở nước ngoài.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị P, anh T và bà Giang đều xin vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P. Xử:

Cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 21/9/2013 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục nhưng tạm giao cháu T cho bà Vi Thị G chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị P về nước sinh sống. Về việc cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Về Tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị P là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại nước ngoài có đơn xin ly hôn và giải quyết vấn đề con chung đối với anh Nguyễn Đình T. Bị đơn anh Nguyễn Đình T là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Tại Công văn số 1826/QLXNC ngày 21/7/2023 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Bắc Giang xác định chị Nguyễn Thị P đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 20/6/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do nguyên đơn chị Nguyễn Thị P đang sinh sống ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị P, anh T và bà Giang vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Đình T đăng ký kết hôn ngày 01/10/2012 tại UBND xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Cả chị P và anh T đều xác định quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. HĐXX thấy: vợ chồng chị P, anh T hiện nay đã mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng với nhau về quan điểm sống, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị P khởi kiện đề nghị ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, xử cho chị P được ly hôn với anh T.

[4]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Đình T có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 21/9/2013. Sau khi ly hôn chị P đề nghị được nuôi cháu T, anh T đồng ý, bản thân cháu T cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ và bà ngoại. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của cháu T cần áp

dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Bảo T. Do hiện nay chị P đang ở nước ngoài nên tạm giao cháu T cho bà Vi Thị G chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian chị P đang nước ngoài.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị P không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị P và anh T đều không đề nghị nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 21/9/2013 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi nhưng tạm giao cho bà Vi Thị G chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị Nguyễn Thị P về nước sinh sống hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005473 ngày 19/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị P hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Đình T cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hương

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN -
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thục

Nguyễn Thị Bích

Hoàng Thị Hải Hường